TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Len
2. Bà Trần Thị Gấm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trương Thị G - Sinh năm 1997
Địa chỉ: thôn K, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Vi Văn N - Sinh năm 1986
Đại chỉ: thôn K, xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2023, bản tự khai ngày 20/6/2023, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/7/2023* và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn N tự nguyện kết hôn và có giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/02/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm; anh N hay uống rượu say rồi về nhà chửi bới, đánh đập chị. Hiện nay chị và anh N đã sống ly thân được một thời gian, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau.

Nay xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vi Văn N.

Về con chung, chị G trình bày: Chị và anh N có 02 con chung là:

Vi Bảo N, sinh ngày 30/11/2015

Vi Thùy V, sinh ngày 31/01/2019

Hiện nay cháu N đang ở với anh N, cháu V đang ở với chị G; cả hai cháu đều phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Ly hôn, chị G có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Vi Thùy V và đề nghị anh N trực tiếp nuôi cháu Vi Bảo N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và công nợ: Chị Trương Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị G đề nghị được miễn toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Trương Thị G còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: giấy chứng nhận kết hôn; bản sao chứng thực giấy khai sinh; bản sao chứng thực căn cước công dân của vợ chồng và sổ hộ khẩu; giấy xin xác nhận nơi cư trú của bị đơn; thông báo số định danh cá nhân; đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí và án phí; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Sau khi thụ lý vụ án, chị G nộp thêm đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

** Ý kiến của bị đơn Vi Văn N:*

Về hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 26/6/2023 anh N công nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như chị G đã trình bày. Từ năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, chị G đi làm ăn xa không quan tâm đến chồng con, gia đình. Nay chị G làm đơn ra Tòa án xin ly hôn, xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, tình cảm đã không còn nên anh đồng ý ly hôn chị Trương Thị G.

Về con chung, anh N công nhận, anh và chị G có 02 con chung là: Vi Bảo N, sinh ngày 30/11/2015 và Vi Thùy V, sinh ngày 31/01/2019. Ly hôn, anh N xin được trực tiếp nuôi cháu Vi Bảo N, đề nghị chị G trực tiếp nuôi cháu Vi Thùy V. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và công nợ: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kèm theo bản tự khai, anh N đã nộp cho Tòa án đơn đề nghị của cháu Vi Bảo N và đơn xin xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của con chưa thành niên:* Tại đơn đề nghị ngày 26/6/2023, cháu Vi Bảo N trình bày nguyện vọng: Nếu chị G và anh N ly hôn, cháu xin được ở với anh N.

** Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2023*, ông Lê Văn Tươi - Trưởng thôn K, xã T, huyện Như Thanh trình bày: Tình trạng hôn nhân và và quá trình nuôi con chung đúng như chị G và anh N đã trình bày. Nay Chị G và anh N xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4 thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa đề nghị:

Về hôn nhân: chị Trương Thị G và anh Vi Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn được pháp luật công nhận. Do cả hai bên đều có nguyện vong ly hôn nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 giải quyết cho chị G được ly hôn anh N.

Về con cái: Chị G và anh N đều có quan điểm giống nhau về trách nhiệm nuôi con chung. Nguyện vọng của anh chị phù hợp với nguyện vong của cháu Vi Bảo N nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quyết định giao cháu Vi Thùy V cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vi Bảo N cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình 2014 quyết định, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: chị G là đồng bào dân tộc thiểu số (Thái) sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - là đối tượng được miễn tiền án phí. Chị đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho chị G.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị G về việc ly hôn, nuôi con chung. Theo đó, đề nghị xử cho chị G được ly hôn Ngân; giao cháu Vi Thùy V cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vi Bảo N cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí, chị G là người dân tộc, thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí ly hôn cho chị G theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị G và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS Tòa án huyện Như Thanh tiến hành xét xử vắng mặt chị G và anh N.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị G và anh Vi Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa 25/02/2015. Vì vậy, hôn nhân giữa chị G và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các điều 8; 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm nên không thể hòa hợp; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau. Hiện nay chị G và anh N đã sống ly thân được một thời gian, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị G và anh N đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Trương Thị G và anh Vi Văn N là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Xét nguyện vọng của chị G và anh N về trách nhiệm nuôi con chung thấy rằng: Anh chị đều thống nhất: Chị G trực tiếp nuôi cháu Vi Thùy V, anh N trực tiếp nuôi cháu Vi Bảo N; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nguyện vọng của chị G và anh N phù hợp với nguyện vọng của cháu Vi Bảo N, phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với khoản 2 điều 81 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản và công nợ:* chị Trương Thị G và anh Vi Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* chị Trương Thị G là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, chị G là người dân tộc thiểu số ở xã điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nghĩ nên miễn toàn bộ án phí ly hôn cho chị G theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có

quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Trương Thị G và anh Vi Văn N; cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho Trương Thị G được ly hôn anh Vi Văn N.

Về con chung: Giao cho chị Trương Thị G trực tiếp nuôi con cháu Vi Thùy V, sinh ngày 31/01/2019; giao cho anh Vi Văn N trực tiếp nuôi cháu Vi Bảo N, sinh ngày 30/11/2015. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị G, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí phí ly hôn sơ thẩm cho chị Trương Thị G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đình Huy

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- UBND xã T, H. Như Thanh
- Lưu hồ sơ vụ án.